

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST

Ngày 15/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Cường

2. Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Mỹ L, sinh năm 1987 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Mỹ L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt

là UBND) xã T1, huyện N. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 11/2017 mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân: Do anh L không có lập trường, không là chỗ dựa cho mẹ con chị. Trong cuộc sống gia đình, chị gái anh L thường can thiệp quá sâu mà anh L lại nghe lời chị gái. Nên khi con gái chị mới được gần 2 tháng tuổi chị phải đưa con về ngoại ở. Quá trình mẹ con chị ở bên ngoại anh L không quan tâm đến ý gì. Đến khi con tròn 1 tuổi, chị để con ở nhà cho ông bà ngoại chăm sóc còn chị vào Nam làm ăn. Anh L đến gặp chị và xin để vợ chồng quay về đoàn tụ để con có cả bố và mẹ. Vì nghĩ đến con nên chị đã đồng ý quay lại chung sống cùng anh L. Khi vợ chồng quay về đoàn tụ, chị về quê đưa con vào Nam để được gần bố mẹ. Đến tháng 9/2019 chị sinh con thứ hai được 5 ngày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh L uống rượu say, lấy xe máy của chị đi chơi bị Công an bắt và giữ xe, sau 1 tháng không thấy anh đem xe về chị có nói thì anh lại đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà khi con tròn 2 tháng tuổi và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý; hiện nay chị không có thai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Lê Thảo V, sinh ngày 25/9/2017 và Lê Ngọc H, sinh ngày 29/7/2019 đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi 2 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lê Mỹ L trình bày: Anh và chị Lê Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N. Về thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống ly thân anh thống nhất như ý kiến chị T. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Lê Thảo V, sinh ngày 25/9/2017 và Lê Ngọc H, sinh ngày 29/7/2019 đang ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, anh có ý kiến để chị T nuôi cả 2 con và anh không phải cấp dưỡng vì không có việc làm và thu nhập ổn định. Tại phiên tòa anh lại xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L; về con: Giao cả 2 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét; về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị T quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Mỹ L có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm từ đó dẫn đến cãi nhau. Xuất phát từ việc anh L bị chi phối ý kiến của chị gái nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 2 con chung là Lê Thảo V, sinh ngày 25/9/2017 và Lê Ngọc H, sinh ngày 29/7/2019 đang ở với chị. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi 2 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi cả 2 con của chị là chính đáng vì tại thời điểm giải quyết vụ án cả 2 cháu đều dưới 36 tháng tuổi và chị T có việc làm và thu nhập ổn định. Về phía anh L trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện quan điểm đồng ý giao cả 2 con cho chị T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con vì anh không có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng tại phiên tòa anh lại xin được trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy việc giao cả 2 con cho chị Thúy trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và điều kiện thực tế của mỗi bên tại thời điểm giải quyết ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không buộc anh L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí giá ngạch tại sản cho chị T
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Mỹ L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thảo V, sinh ngày 25/9/2017 và Lê Ngọc H, sinh ngày 29/7/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002133 ngày 15/01/2020. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí. Trả lại cho chị T 1.875.000đ tiền tạm ứng án phí giá ngạch tại sản theo biên lai thu số AA/2017/0001233 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Trung Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình